TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/KDTM-ST
Ngày: 12/4/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công lắp đặt

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông* tham gia phiên tòa:

Bà Chu Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử công khai vụ án thụ lý số 26 /2022/TLST-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng thi công lắp đặt" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐHPT-KDTM ngày 30/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần U; trụ sở chính: L14-08B, tầng 14, Tòa nhà V, số 72 L, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy C – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T – Chuyên viên pháp chế; địa chỉ: A29, ngõ 3, ngách 3/10, C, Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. có mặt ông C, ông T

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MT; trụ sở chính: số 12, ngõ X, phường P, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; VPĐD: Phòng 711, Tòa nhà H, khu đô thị X, phường P, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quốc V – Giám đốc. vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần K; trụ sở chính: Khu C, xã T, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang K – Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà

Bùi Thị Khánh L – Trưởng phòng Pháp chế; địa chỉ: Khu V, đường L, phường T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện các các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/12/2018, Công ty Cổ phần U (gọi tắt là U) và Công ty TNHH MT (gọi tắt là MT) có ký Hợp đồng thi công lắp đặt số: 2012-2018/HD/MT-UNJ về cung cấp thiết bị và thi công hạng mục Sàn nước nghệ thuật tại Công trình K Town ở địa chỉ: phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (gọi tắt là Hợp đồng).

Phạm vi công việc này do MT giao thầu lại toàn bộ cho U sau khí đã ký Hợp đồng cung cấp thiết bị và thi công hạng mục Sàn nước nghệ thuật dự án K Town số 57/2018/KS-MT ký ngày 18/12/2018 giữa MT và Công ty Cổ phần K có mã số thuế: 2300149170 tại địa chỉ Khu c, xã T, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào nội dung Hợp đồng giữa MT và U, U đã hoàn thành xong công việc cung cấp, lắp đặt hạng mục Sàn nước nghệ thuật cho công trình và bàn giao đi vào sử dụng cho MT cũng như Chủ đầu tư K dưới sự chứng kiến của 3 bên vào tháng 01/2019. Đồng thời, U đã hoàn thiện, chuyển 05 bộ hồ sơ quyết toán cho MT để MT thực hiện nghĩa vụ ký duyệt, hoàn trả hồ sơ cũng như thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm đó đến nay, MT không chuyển lại 01 bộ hồ sơ quyết toán cho U dẫn đến U không thực hiện được nghĩa vụ xuất hóa đơn, đồng thời MT viện nhiều lý do không chính đáng để xin khất lần như Chủ đầu tư K chưa quyết toán đợt cuối cho MT nên MT không có nguồn, đề nghị U thông cảm cho khất nợ.

Thế nhưng, đến ngày 12/8/2020, U được Chủ đầu tư K trả lời đã thanh toán đợt 3 và thanh lý hợp đồng thi công lắp đặt Hệ thống sàn nhạc nước nghệ thuật dự án K Town với MT từ ngày 25/4/2019. Khi tận mắt nhìn Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 25/4/2019 và Ủy nhiệm chi thanh toán đợt 3 ngày 21/1/2020 thì ông Nguyễn Duy C – đại diện U mới liên hệ với ông Đặng Quốc V – đại diện MT đề nghị thanh toán để tránh đưa ra tòa thì nhận được câu trả lời: "Chú dọa anh đấy à, bây giờ anh chưa có, cứ từ từ anh có sẽ giải quyết, muốn căng thì được thôi, tùy chú"

Kể từ ngày kết thúc công trình và bàn giao cho Chủ đầu tư K đến nay đã gần 03 năm, mặc dù U nhiều lần liên hệ bằng điện thoại, email với đại diện pháp luật của MT là ông Đặng Quốc V và bà Hoàng Thị M – kế toán kiêm thành viên Công ty MT nhưng chỉ hẹn sẽ trả nhưng không có ngày trả, đồng thời không gửi lại hồ sơ nghiệm thu, quyết toán cho U.

Nay U làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc Công ty TNHH MT phải cử đại diện pháp luật ký, đóng dấu và hoàn trả 01 bộ Hồ sơ quyết toán bao gồm: Biên bản nghiệm thu hoàn thành, biên bản nghiệm thu khối lượng giá trị quyết toán, Biên bản đối chiếu công nợ cho Công ty Cổ phần U để Công ty Cổ phần U hoàn thiện hồ sơ về thuế và xuất hóa đơn VAT theo quy định.

2. Buộc Công ty TNHH MT phải thanh toán số tiền đợt 3 là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) cho Công ty Cổ phần U ngay khi bản án có hiệu lực.

3. Buộc Công ty TNHH MT phải thanh toán số tiền chậm trả của khoản thanh toán 320.000.000 đồng kể từ ngày 19/1/2021 với lãi suất chậm trả là 0.03%/ngày tương ứng với số tiền chậm trả cho Công ty Cổ phần U cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Số tiền chậm trả tạm tính đến ngày 10/5/2022 là 45.696.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH MT trình bày:

Tại thời điểm tháng 12/2018, Công ty TNHH MT có giao khoán cho Công ty Cổ phần U thực hiện các công việc cung cấp vật tư thiết bị, thi công lắp đặt và chuyển giao công nghệ vận hành hệ thống sàn nhạc nước nghệ thuật của dự án "K Town, địa điểm tại: phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội", giá trị giao khoán là: 800.000.000 dồng (Tám trăm triệu đồng chẵn). Để tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị nhận khoán là Công ty Cổ phần U thực hiện đẩy nhanh tiến độ công việc thì sau khi Công ty Cổ phần U nhập vật tư, thiết bị về dự án, Công ty TNHH MT đã hoàn thành việc thanh toán cho Công ty Cổ phần U tương ứng với tỉ lệ 60% giá trị của hợp đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng trên Công ty Cổ phần U đã không thực hiện hoàn thành các công việc đã ký kết giữa hai bên, cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần U không có hồ sơ thanh toán giai đoạn nhập vật tư, thiết bị theo khoản 5.2.b Điều 5 tại Hợp đồng. Không có biên bản được xác nhận của cán bộ phụ trách công trình của Công ty TNHH MT về quy cách, chất lượng thiết bị vật tư nhập về công trình. Mặc dù, Công ty TNHH MT đã thanh toán đầy đủ giá trị theo đúng tỉ lệ hợp đồng đã thống nhất.

- Trong quá trình thi công lắp đặt hệ thống, Công ty Cổ phần U không có biên bản nghiệm thu công việc theo giai đoạn được cán bộ kỹ thuật phụ trách công trình của Công ty TNHH MT tại thời điểm đó ký xác nhận, không thực hiện công tác ghi nhật ký công trình tại thời điểm đó. Các hồ sơ quản lý chất lượng tuân thủ theo Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng có hiệu lực tại thời điểm đó cũng không được Công ty Cổ phần U thực hiện. Do đó, để đáp ứng tiến độ cam kết với Chủ đầu tư thì Công ty TNHH MT đã phải tự bố trí nhân lực nội bộ để hoàn thành công tác lắp đặt và tổ chức nghiệm thu công việc gói thầu cùng với Chủ đầu tư.

- Công ty Cổ phần U không thực hiện công tác chuyển giao công nghệ vận hành hệ thống cho gói thầu. Vì vậy, Công ty TNHH MT phải tự tìm hiểu để vận hành và bàn giao cho Chủ đầu tư.

Dựa vào các nội dung đã nêu ở trên, đồng thời căn cứ vào nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên theo Hợp đồng thi công lắp đặt, chúng tôi khẳng định Công ty Cổ phần U không hoàn thành các công việc đã được giao khoán theo Hợp đồng thi công lắp đặt đã ký kết. Vì vậy, các yêu cầu tại đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần U gửi tới Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội là không có cơ sở pháp lý. Cụ thể các yêu cầu của Công ty Cổ phần U gửi tới Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội chúng tôi xin phản hồi như sau:

1. Buộc Công ty TNHH MT phải cử đại diện pháp luật ký, đóng dấu và hoàn trả 01 bộ Hồ sơ quyết toán bao gồm: Biên bản nghiệm thu hoàn thành, biên bản nghiệm thu khối lượng giá trị quyết toán, Biên bản đối chiếu công nợ cho Công ty Cổ phần U.

Như nội dung chúng tôi đã nêu ở trên, Công ty Cổ phần U không hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng cũng như không có hồ sơ quản lý chất lượng tuân thủ Nghị định của Chính phù về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình theo từng giai đoạn nên Công ty TNHH MT không có cơ sở để xác nhận pháp lý vào những hồ sơ mà Công ty Cổ phần U yêu cầu xác nhận.

2. Buộc Công ty TNHH MT phải thanh toán số tiền đợt 3 là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) cho Công ty Cổ phần U.

Công ty Cổ phần U không hoàn thành nghĩa vụ công việc theo hợp đồng nên Công ty TNHH MT chưa thể thanh toán giá trị còn lại mà đúng theo nghĩa vụ Công ty Cổ phần U buộc phải có trách nhiệm hoàn thành.

3. Buộc Công ty TNHH MT phải thanh toán số tiền chậm trả của khoản thanh toán 320.000.000 đồng kể từ ngày 19/1/2021 với lãi suất chậm trả là 0.03%/ngày tương ứng với số tiền chậm trả cho Công ty Cổ phần U cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Số tiền chậm trả tạm tính đến ngày 10/5/2022 là 45.696.000 đồng.

Do Công ty Cổ phần U chưa thực hiện hoàn thành khối lượng công việc theo nghĩa vụ tại hợp đồng đã ký kết, đồng thời giữa hai bên chưa xác nhận biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, biên bản đối chiếu công nợ nên giá trị 320.000.000 đồng không thể ghi nhận là khoản thanh toán mà Công ty TNHH MT còn nợ đối với Công ty Cổ phần U, vì vậy yêu cầu của Công ty Cổ phần U về lãi suất chậm trả là không có cơ sở pháp lý để chúng tôi phải thực hiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần K có văn bản số 05/2023/CV-KS ngày 02/2/2023 trình bày:

1. Về quan hệ Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần K và Công ty TNHH MT về việc thi công hệ thống nhạc nước nghệ thuật tại dự án "K Town".

Công ty Cổ phần K cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan và trình bày: Ngày 18/12/2018, Công ty Cổ phần K và Công ty TNHH MT ký kết Hợp đồng

số 57/2018/KS-MT về việc cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống sàn nhạc nước nghệ thuật tại dự án "K Town". Tính đến thời điểm 21/1/2020, hai bên đã hoàn tất thủ tục thanh quyết toán.

2. Đề nghị Tòa án xác định lại tư cách tố tụng của Công ty Cổ phần K khi giải quyết vụ án.

Theo Thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 26a/TB-TLVA ngày 05/11/2022, Công ty Cổ phần K được Tòa án nhân dân quận Hà Đông xác định tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về nội dung này, Công ty Cổ phần K thấy chưa phù hợp bởi:

Như đã nêu tại mục 1, quyền và nghĩa vụ Công ty Cổ phần K và Công ty TNHH MT theo Hợp đồng số 57/2018/KS-MT đã chấm dứt kể từ thời điểm ngày 21/1/2020. Ngoài ra, công ty chúng tôi không ký kết bất kỳ Hợp đồng nào khác với Công ty Cổ phần U về việc thi công hệ thống nhạc nước nghệ thuật tại dự án "K Town". Việc Công ty TNHH MT và Công ty Cổ phần U có ký kết Hợp đồng nào với nhau liên quan đến việc thi công lắp đặt hệ thống sàn nhạc nước nghệ thuật tại dự án "K Town" hay không là việc riêng của hai Bên, Công ty Cổ phần K không biết và không có nghĩa vụ phải biết. Vì vậy, Công ty Cổ phần K không có quyền, nghĩa vụ liên quan đối với tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng được ký kết giữa Công ty TNHH MT và Công ty Cổ phần U.

Do vậy, đề nghị Quý tòa nghiên cứu, xác định lại tư cách tố tụng của Công ty Cổ phần K trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và sửa đổi bổ sung đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH MT phải thanh toán tiền chậm trả của khoản tiền 320.000.000 đồng theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam) tại thời điểm xét xử với mức lãi suất 0.03%/ngày. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập tài liệu về mức lãi suất do nguyên đơn không có khả năng thu thập.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có văn bản số 1104/CV/MT/2023 ngày 11/4/2023 đề nghị hoãn phiên tòa ngày 12/4/2023 do Giám đốc Công ty TNHH MT là ông Đặng Quốc Việt đang đi công tác tại Kontum.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát quận Hà Đông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2, lý do bị đơn vắng mặt không phải là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ yêu cầu khởi kiện, trình bày của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải hoàn tất thủ tục hồ sơ quyết toán Hợp đồng thi công lắp đặt số: 2012-2018/HD/MT-UNJ ngày 20/12/2018 và thanh toán khoản tiền 320.000.000 đồng cùng lãi chậm trả.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng thi công lắp đặt trong lĩnh vực xây dựng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tranh chấp liên quan đến Hệ thống sàn nhạc nước nghệ thuật tại dự án "K Town" do Công ty Cổ phần K là chủ đầu tư. Do đó, việc xác định Công ty Cổ phần K tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật theo khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa vắng mặt Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do; Bị đơn có văn bản đề nghị hoãn phiên tòa do người đại diện theo pháp luật đang đi công tác tại Kontum. Xét thấy: Ngày 03/4/2023, Bị đơn đã được tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa 05/QĐHPT-KDTM ngày 30/3/2023 nên có đủ thời gian, điều kiện để trực tiếp hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng tại phiên tòa ngày 12/4/2023; lý do vắng mặt của Bị đơn không phải là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của bị đơn và tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Ngày 18/12/2018, Công ty TNHH MT và Công ty Cổ phần K ký Hợp đồng cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống sàn nhạc nước nghệ thuật số 57/2018/KS-MT, dự án K Town.

Ngày 20/12/2018, Công ty TNHH MT ký Hợp đồng thi công lắp đặt số: 2012-2018/HD/MT-UNJ giao thầu lại cho Công ty Cổ phần U công việc cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hạng mục Sàn nước nghệ thuật tại Công trình K

Town với tổng giá trị hợp đồng là 800.000.000 đồng với phương thức thanh toán làm 03 đợt. Đợt 1: (sau khi ký hợp đồng): 240.000.000 đồng. Đợt 2 (sau khi tập kết vật tư) 240.000.000 đồng. Đợt 3 (sau khi nghiệm thu, bàn giao công trình): 320.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH MT đã thanh toán đợt 1, đợt 2 cho Công ty Cổ phần U. Công ty Cổ phần U khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MT phải xác nhận, hoàn trả 01 bộ hồ sơ quyết toán và thanh toán số tiền nợ còn thiếu 320.000.000 đồng và lãi chậm trả.

Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu nghiệm thu, bàn giao, xác nhận chất lượng công trình có xác nhận của Công ty TNHH MT với lý giải do bị đơn cố ý không xác nhận hồ sơ này và nguyên đơn cung cấp các tài liệu về việc thanh quyết toán giữa Công ty Cổ phần K với Công ty TNHH MT; các tin nhắn, email trao đổi giữa Công ty Cổ phần U và Công ty TNHH MT liên quan đến việc gửi hồ sơ nghiệm thu, đối chiếu công nợ và khất nợ của Công ty TNHH MT. Nguyên đơn còn cung cấp tài liệu chụp văn bản số 135/2022/CV-KS ngày 10/01/2022 của Công ty Cổ phần K có nội dung: …"Trong quá trình thực hiện Công ty TNHH MT đã giao lại toàn bộ công việc cho Công ty Cổ phần U thực hiện và U đã cử nhân sự hoàn thành, bàn giao công nghệ vận hành nhạc nước trong Hợp đồng trên dưới sự chứng kiến của đại diện K là ông Đặng Văn Đại – Trưởng phòng kỹ thuật dự án.".

Bị đơn Công ty TNHH MT trình bày Công ty Cổ phần U không có hồ sơ quản lý chất lượng tuân thủ Nghị định của Chính phù về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình theo từng giai đoạn; chưa thực hiện hoàn thành khối lượng công việc theo nghĩa vụ tại hợp đồng đã ký kết, đồng thời giữa hai bên chưa xác nhận biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, biên bản đối chiếu công nợ nên không có căn cứ xác định Công ty TNHH MT còn nợ Công ty Cổ phần U 320.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty TNHH MT không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh việc Công ty Cổ phần U vi phạm nghĩa vụ, không hoàn thành khối lượng công việc theo hợp đồng. Tại các trao đổi tin nhắn, email giữa hai Công ty cũng không thể hiện nội dung này.

Tài liệu Công ty Cổ phần K cung cấp cho thấy giữa Công ty TNHH MT và Công ty Cổ phần K đã thanh lý hợp đồng thi công lắp đặt Hệ thống sàn nhạc nước nghệ thuật dự án K Town từ ngày 25/4/2019 và hoàn tất thủ tục thanh quyết toán ngày 21/1/2020. Văn bản số 135/2022/CV-KS ngày 10/01/2022 không được Công ty Cổ phần K chính thức xác nhận nhưng có nội dung phù hợp với các tài liệu, diễn biến thực hiện hợp đồng do các bên cung cấp.

Như vậy có cơ sở để xác định Công ty Cổ phần U đã hoàn thành khối lượng công việc theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty TNHH MT và Công ty Cổ phần U. Yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần U buộc Công ty TNHH MT thực hiện nghĩa vụ thanh toán đợt 3 khoản tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán tiền chậm trả của khoản tiền 320.000.000 đồng kể từ ngày 19/1/2021 với lãi suất chậm trả là 0.03%/ngày cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán:

Tại điểm c khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng số 2012-2018/HD/MT-UNJ, hai bên thỏa thuận: *"Bên A quyết toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán Hợp đồng tương ứng: 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn) trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình đưa và sử dụng và Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán."*

Tại khoản 12.4 Điều 12 Hợp đồng số 2012-2018/HD/MT-UNJ quy định: *" Nếu Bên A chậm thanh toán quá 30 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán thì sẽ bị phạt theo lãi suất cho vay kỳ hạn ba tháng của Ngân hàng uy tín tại Việt Nam cho số tiền thanh toán chậm trên số ngày chậm trả..."*

Nguyên đơn đề xuất xác định ngày 28/12/2020, kế toán Công ty TNHH MT phản hồi xác nhận đã nhận hồ sơ quyết toán và biên bản đối chiếu công nợ của U là mốc thời gian để xác định ngày Công ty TNHH MT có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền 320.000.000 đồng là có cơ sở tuy nhiên ngày 19/1/2021 mới là ngày hết hạn thanh toán, ngày chịu lãi chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng phải là ngày 19/2/2021.

Về mức lãi chậm trả: quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án thuộc lĩnh vực xây dựng do đó yêu cầu của nguyên đơn đề nghị áp dụng Điều 306 Luật thương mại lấy lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử là không phù hợp.

Theo khoản 2 Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015: *"2. Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác."*

Mức lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (nơi nguyên đơn mở tài khoản) công bố tại thời điểm giải quyết vụ án: Lãi suất cho vay = (bằng) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm (lãi suất năm) VNĐ kỳ hạn 24 tháng, trả lãi cuối kỳ là 7,5%/năm. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn: 7,5% x 150% = 11,25%/năm. Mức lãi chậm trả do nguyên đơn đề nghị 0.03%/ngày tương đương 10,95%/năm có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Do đó, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền chậm trả của khoản tiền 320.000.000 đồng kể từ ngày 19/2/2021 với lãi suất chậm trả là 10,95%/năm, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/4/2023 là:

320.000.000 đồng x 10,95%/năm x 782 ngày = 75.072.000 đồng.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH MT phải hoàn tất thủ tục hồ sơ quyết toán Hợp đồng thi công lắp đặt số: 2012-2018/HD/MT-UNJ ngày 20/12/2018 và thanh toán khoản tiền 320.000.000 đồng cùng lãi chậm trả kể từ ngày 19/2/2021, tính đến ngày 12/4/2023 là:

320.000.000 đồng + 75.072.000 đồng = 395.720.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Về án phí: Công ty Cổ phần U không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại 9.142.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010165 ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH MT phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 19.753.600 đồng. .

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 401; 275; 280; 357; 468 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng.

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần U đối với Công ty TNHH MT về việc:

Buộc Công ty TNHH MT phải hoàn tất thủ tục hồ sơ quyết toán Hợp đồng thi công lắp đặt số: 2012-2018/HD/MT-UNJ ngày 20/12/2018 và thanh toán cho Công ty Cổ phần U khoản tiền 320.000.000 đồng cùng lãi chậm trả tính đến ngày 12/4/2023, tổng cộng là: 395.720.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Công ty Cổ phần U không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại 9.142.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010165 ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH MT phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 19.753.600 đồng. .

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- TAND TP Hà Nội.
- VKS ND quận Hà Đông.
- THA DS quận Hà Đông.
- Đương sự.
- Lưu

Trần Đình Văn